

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 13 – 5 – 2026.

V/v Ly hôn,
giải quyết về con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Găng .
- Ông Nguyễn Văn Hiến.

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Bảo Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 103/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị P, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: D P, phường S, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: D P, phường S, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự đều yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2026; quá trình giải quyết vụ án và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Bùi Thị P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông Đại tự N tìm hiểu, yêu thương và đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Phú Yên vào ngày 17/7/2006. Quá trình sống chung, thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Đ thường xuyên kiểm chuyện chửi, đánh đập bà P và con, ông Đại gia T, cụ thể: bà P phải cung phụng cho ông Đ trong chuyện ăn uống, phải lo cho ông Đ ăn trước, mẹ con bà P ăn sau. Từ năm 2012 đến nay, bà P và ông Đ còn sống chung với nhau nhưng không còn tình cảm, không còn quan tâm nhau. Nay bà P không còn tình cảm với ông Đ, bà P yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà P và ông Đ có 03 con chung, tên Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 12/8/2007, Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh ngày 12/8/2007 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 11/6/2018. Hiện nay, cháu L và L1 đã thành niên và có khả năng lao động, bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Q, bà P yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Q, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi cháu Q.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16/4/2026, bị đơn ông Nguyễn Minh Đ trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đại đồng Ý ly hôn với bà Bùi Thị P vì hiện nay đã không còn tình cảm. Về mâu thuẫn, ông Đ và bà P xảy ra đã lâu vì cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không có tiếng nói chung, bà P cho rằng kinh tế ông Đ làm không đảm bảo, 15 năm trước bà P có ý định ly hôn, ông Đ cũng đồng ý nhưng khi đó bà P không nộp đơn ra Tòa. Nay ông Đ xác định tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, ông Đại đồng Ý ly hôn với bà P.

Về con chung: Có 03 con chung, tên Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 12/8/2007, Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh ngày 12/8/2007 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 11/6/2018. Hai cháu L và L1 đã thành niên và có khả năng lao động, ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Q, ông Đại đồng Ý giao cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại phiên toà:

Các đương sự đều yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đắc Lắc phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà P và ông Đ yêu cầu xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông Đ. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 11/6/2018 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng và ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi cháu Q. Riêng cháu L và L1 đã thành niên, có khả năng lao động, bà P và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị HĐXX không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Bà P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Bùi Thị P yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung với ông Nguyễn Minh Đ. Bị đơn ông Nguyễn Minh Đ cư trú tại phường S, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án hôn nhân gia đình trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk.

Các đương sự đều yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông Đại tự N tìm hiểu, yêu thương và được UBND thị trấn S, huyện S, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/7/2006, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay bà P yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: tại biên bản lấy lời khai của đương sự lập ngày 16/4/2026, ông Đại đồng ý ly hôn với bà P. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà P và ông Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của P đối với ông Đ.

[2.2] Về con chung: Có 03 con chung, tên Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 12/8/2007, Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh ngày 12/8/2007 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 11/6/2018. Bà P yêu cầu nuôi cháu Q, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi cháu Q, ông Đại đồng ý giao cháu Q cho bà P nuôi dưỡng. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà P.

Riêng cháu L và cháu L1 đã thành niên, có khả năng lao động, bà P và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P và ông Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Bà P phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị P đối với ông Nguyễn Minh Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 11/6/2018 cho bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi cháu Q.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Riêng cháu Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 12/8/2007 và Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh ngày 12/8/2007 đã thành niên, có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Bùi Thị P phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002579 ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk(1);
- VKSND khu vực 14 - Đắk Lắk (2);
- Phòng THADS khu vực 14 - Đắk Lắk (1);
- Các đương sự (2);
- UBND thị trấn Sông Cầu, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên – nay là UBND phường Sông Cầu, tỉnh Đắk Lắk (GCNKH số 97, quyền số 01/2006 ngày 17/7/2006);
- Lưu hồ sơ (2);
- Án Văn (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Ngọc Hà

